

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU SỐ B 01-DNBH
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		3.563.870.157.984	3.702.303.747.883
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		833.561.025.759	1.158.716.050.708
1. Tiền mặt tại quỹ	111		2.791.630.458	1.486.264.359
2. Tiền gửi ngân hàng	112		198.139.176.416	312.942.541.267
3. Tiền đang chuyển	113		29.256.718.885	192.245.082
4. Các khoản tương đương tiền	114		603.373.500.000	844.095.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	2.260.742.889.542	2.172.969.980.000
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		138.879.864.425	254.674.361.692
2. Đầu tư ngắn hạn khác	128		2.153.763.823.000	1.931.200.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(31.900.797.883)	(12.904.381.692)
III. Các khoản phải thu	130		446.409.607.448	355.816.137.661
1. Phải thu khách hàng	131	5	414.665.507.517	332.058.957.795
2. Trả trước cho người bán	132		2.164.573.233	-
3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	133		-	178.340.669
4. Các khoản phải thu khác	138		36.691.658.247	25.907.451.358
5. Dự phòng phải thu khó đòi	139		(7.112.131.549)	(2.328.612.161)
IV. Tài sản lưu động khác	150		23.156.635.235	14.801.579.514
1. Tạm ứng	151		13.283.186.144	9.244.316.430
2. Chi phí trả trước	152		9.523.668.886	5.389.139.729
3. Các khoản thế chấp, ký quỹ	154		349.780.205	168.123.355
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN (200=210+220+230+240)	200		1.354.490.610.203	816.877.828.622
I. Tài sản cố định	210		284.571.786.097	272.444.489.100
1. Tài sản cố định hữu hình	211	6	64.910.889.965	55.775.237.135
Nguyên giá	212		110.423.171.422	88.312.294.273
Giá trị hao mòn lũy kế	213		(45.512.281.457)	(32.537.057.138)
2. Tài sản cố định vô hình	217	7	219.660.896.132	216.669.251.965
Nguyên giá	218		222.497.973.125	217.881.939.503
Giá trị hao mòn lũy kế	219		(2.837.076.993)	(1.212.687.538)
II. Các khoản đầu tư dài hạn	220		1.061.443.433.448	531.314.554.151
1. Đầu tư vào công ty liên kết	222	8	156.367.200.000	125.400.000.000
2. Các khoản đầu tư dài hạn khác	228	9	922.092.855.909	405.914.554.151
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	229	9	(17.016.622.461)	-
III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	7.118.785.371
IV. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	240		8.475.390.658	6.000.000.000
1. Ký quỹ bảo hiểm	241		6.000.000.000	6.000.000.000
2. Chi phí trả trước dài hạn			274.747.473	-
3. Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn khác	242		2.200.643.185	-
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		4.918.360.768.187	4.519.181.576.505

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU SỐ B 01-DNBH

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330+340)	300		2.630.338.752.346	2.764.876.874.827
I. Nợ ngắn hạn	310		1.970.619.571.064	2.335.806.176.093
1. Phải trả cho người bán	313	10	237.592.570.593	141.641.195.089
2. Người mua trả tiền trước	314		962.028.851	116.693.520
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	315		13.658.287.912	678.417.004
4. Phải trả công nhân viên	316		11.269.570.568	8.449.852.893
5. Các khoản phải trả phải nộp khác	318	11	1.707.137.113.140	2.184.920.017.587
II. Dự phòng nghiệp vụ	330	12	657.542.688.182	427.824.276.109
1. Dự phòng phí	331		473.456.872.467	243.385.826.069
2. Dự phòng bồi thường	333		120.483.459.735	43.625.561.313
3. Dự phòng dao động lớn	334		63.602.355.980	140.812.888.727
III. Nợ khác	340		2.176.493.100	1.246.422.625
1. Phải trả dài hạn khác	341		-	17.206.000
2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	343		2.176.493.100	1.229.216.625
B. NGUỒN VỐN (400=410+420)	400	13	2.288.022.015.841	1.754.304.701.678
I. Nguồn vốn, quỹ	410		2.284.311.686.518	1.742.979.155.222
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		2.085.487.773.800	1.553.000.273.800
2. Quỹ đầu tư phát triển	414		69.990.166.798	-
3. Quỹ dự trữ bắt buộc	416		15.179.987.611	12.498.244.071
4. Lợi nhuận chưa phân phối	418		113.653.758.309	177.480.637.351
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	420		3.710.329.323	11.325.546.456
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	422		3.710.329.323	11.325.546.456
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		4.918.360.768.187	4.519.181.576.505

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 01-DNBH

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Đơn vị	31/12/2008	31/12/2007
1. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm	VND	237.626.852.510	355.760.992.109
2. Thu đòi người thứ 3	VND	295.008.142	2.657.792.974
3. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	8.038.925,74	3.399.480,18
Đô la Úc	AUD	8.597,74	8.600,66
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	39.674,71	4.065,60



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2009

Phùng Tuấn Kiên
Kế toán trưởng

